



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận Bình Tân,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0302271207
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024-08-14 17:24:11

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 12 - 33 |
| 8. Phụ lục | 34 - 36 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 507 496
- Fax : (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm chức năng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đào Hữu Hoàng | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Đào Hữu Hoàng Vũ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 |
| Bà Đỗ Thị Mai | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Đào Hữu Khôi | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 |
| Bà Nguyễn Hoàng Hà | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Thế Kỳ | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Bùi Công Sơn | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Ôn Ngọc Lan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002 |
| Ông Dương Nguyễn Trường Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 |



Tổng Giám đốc

Quyền Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Thế Quyền (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Quyền – Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Quyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số: 1.1272/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 838.109.248.194 | 871.634.988.487 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 549.506.820 | 177.774.751 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 549.506.820 | 177.774.751 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 2.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | - | 2.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 799.120.953.819 | 823.320.765.507 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 784.616.077.466 | 793.950.130.602 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 11.810.167.813 | 16.056.733.833 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 37.891.605.443 | 38.972.734.816 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (35.196.896.903) | (25.658.833.744) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 38.022.710.967 | 45.367.632.323 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 39.196.348.092 | 47.029.604.495 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (1.173.637.125) | (1.661.972.172) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 416.076.588 | 768.815.906 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 130.073.742 | 248.992.296 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 286.002.846 | 519.823.610 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 150.933.109.232 | 154.739.188.027 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 125.263.417.148 | 82.670.186.569 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 120.436.548.563 | 78.133.116.965 |
| - Nguyên giá | 222 | | 326.707.674.127 | 277.559.441.580 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (206.271.125.564) | (199.426.324.615) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 4.826.868.585 | 4.537.069.604 |
| - Nguyên giá | 228 | | 8.995.363.253 | 8.603.940.878 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.168.494.668) | (4.066.871.274) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 20.793.677.278 | 67.852.376.257 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 20.793.677.278 | 67.852.376.257 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.754.000.000 | 2.754.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 2.754.000.000 | 2.754.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.122.014.806 | 1.462.625.201 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 2.122.014.806 | 1.440.328.858 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | - | 22.296.343 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 989.042.357.426 | 1.026.374.176.514 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 188.106.589.375 | 220.352.735.197 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 170.106.589.375 | 202.352.735.197 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 22.597.838.436 | 19.865.185.772 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 7.426.543.591 | 8.707.441.366 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 1.357.380.680 | 359.377.140 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 2.629.796.893 | 3.154.598.255 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 877.642.030 | 743.120.432 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 4.935.884.295 | 8.276.195.285 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19 | 130.281.503.450 | 161.246.816.947 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

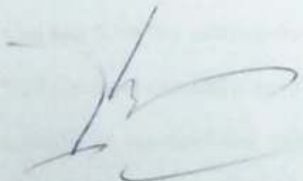
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 800.935.768.051 | 806.021.441.317 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 800.935.768.051 | 806.021.441.317 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.20 | 210.885.368.500 | 210.885.368.500 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.20 | (10.036.370.000) | (10.036.370.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 460.086.769.551 | 465.172.442.817 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 465.172.442.817 | 465.172.442.817 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (5.085.673.266) | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 989.042.357.426 | 1.026.374.176.514 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024


Võ Thành Nhân
 Kế toán trưởng/ Người lập


Nguyễn Thế Quyền
 Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 175.681.397.608 | 250.764.755.582 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 24.747.996.152 | 25.581.387.211 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 150.933.401.456 | 225.183.368.371 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 119.402.937.222 | 186.050.440.904 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 31.530.464.234 | 39.132.927.467 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 66.578.652 | 303.077.888 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 4.345.821.910 | 6.604.096.943 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 4.006.198.682 | 6.483.054.196 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 13.848.280.556 | 12.936.762.308 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 16.735.098.342 | 6.602.971.277 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (3.332.157.922) | 13.292.174.827 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 18.219.668 | 392.022.398 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 30.402 | 2.640.418.889 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 18.189.266 | (2.248.396.491) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (3.313.968.656) | 11.043.778.336 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 1.749.408.267 | 4.792.505.608 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.12 | 22.296.343 | 62.047.100 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (5.085.673.266) | 6.189.225.628 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9a,b | (369) | 449 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9a,b | (369) | 449 |



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Võ Thành Nhân
Kế toán trưởng/ Người lập

Nguyễn Thế Quyền
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (3.313.968.656) | 11.043.778.336 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9; V.10 | 6.946.424.343 | 5.831.077.404 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6; V.7 | 9.049.728.112 | (448.360.826) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 192.006.076 | 15.340.690 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | - | (222.706.500) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 4.006.198.682 | 6.483.054.196 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 16.880.388.557 | 22.702.183.300 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 14.660.619.776 | 17.455.526.980 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 7.833.256.403 | 9.704.504.160 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (2.581.475.062) | 1.343.288.258 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (562.767.394) | 2.210.325.733 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.17; VI.5 | (3.929.167.848) | (6.714.746.800) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (782.044.840) | (5.759.050.687) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 31.518.809.592 | 40.942.030.944 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9; V.10; V.11, VII | (2.181.683.709) | (7.393.074.906) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (20.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2a | 2.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | 1.081.442.569 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (181.683.709) | (6.331.632.337) |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

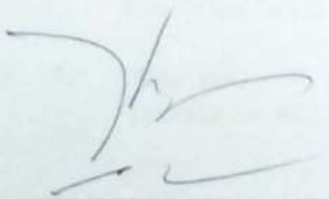
Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19 | 110.674.592.149 | 190.688.529.265 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19 | (141.639.905.646) | (245.128.179.594) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (30.965.313.497) | (54.439.650.329) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 371.812.386 | (19.829.251.722) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 177.774.751 | 20.126.949.856 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (80.317) | (566.920) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 549.506.820 | 297.131.214 |



Võ Thành Nhân
Kế toán trưởng/ Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thế Quyền
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán dược phẩm và cho thuê tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này của Công ty giảm mạnh so với kỳ trước do nhu cầu dược phẩm và thực phẩm chức năng tiếp tục giảm mạnh sau suy thoái kinh tế toàn cầu và các thay đổi quy định trong đấu thầu thuốc, thiết bị y tế.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 169 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 175 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ; chi phí nghiên cứu và chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 năm đến 03 năm.

Chi phí nghiên cứu

Chi phí nghiên cứu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 năm đến 05 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 10 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

IG T
EM H
I VÀ T
& C
H

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt | 153.267.427 | 150.681.962 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 396.239.393 | 27.092.789 |
| Cộng | 549.506.820 | 177.774.751 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba tháng hai có kỳ hạn 12 tháng đã tất toán trong kỳ.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng | 2.754.000.000 | 3.652.386.600 | 2.754.000.000 | 3.607.845.300 |
| Cộng | 2.754.000.000 | 3.652.386.600 | 2.754.000.000 | 3.607.845.300 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 445.413 cổ phiếu, tương đương 2,9% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng (số đầu năm là 445.413 cổ phiếu, tương đương 2,9% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành | 735.075.637.912 | 744.939.752.639 |
| Phải thu các khách hàng khác | 49.540.439.554 | 49.010.377.963 |
| Cộng | <u>784.616.077.466</u> | <u>793.950.130.602</u> |

Toàn bộ khoản phải thu của Công ty được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho bên liên quan</i> | <i>50.646.000</i> | <i>50.646.000</i> |
| Thành viên Hội đồng quản trị | 50.646.000 | 50.646.000 |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | <i>11.759.521.813</i> | <i>16.006.087.833</i> |
| Công ty TNHH Nam Bửu Long | 9.314.468.000 | 15.042.942.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.445.053.813 | 963.145.833 |
| Cộng | <u>11.810.167.813</u> | <u>16.056.733.833</u> |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>19.053.545.686</i> | <i>-</i> | <i>20.091.045.686</i> | <i>-</i> |
| Ông Đào Hữu Hoàng - Lãi cho vay | 19.053.545.686 | - | 20.053.545.686 | - |
| Ông Đào Hữu Hoàng - Tiền tạm ứng | - | - | 37.500.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>18.838.059.757</i> | <i>(14.205.000.000)</i> | <i>18.881.689.130</i> | <i>(14.205.000.000)</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu | 14.205.000.000 | (14.205.000.000) | 14.205.000.000 | (14.205.000.000) |
| Tạm ứng | 4.548.422.534 | - | 4.570.219.925 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 84.637.223 | - | 106.469.205 | - |
| Cộng | <u>37.891.605.443</u> | <u>(14.205.000.000)</u> | <u>38.972.734.816</u> | <u>(14.205.000.000)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-----------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị - Tiền bán hàng hóa, thành phẩm | Trên 03 năm | 11.453.833.744 | - | Trên 03 năm | 11.453.833.744 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu | Trên 03 năm | 14.205.000.000 | - | Trên 03 năm | 14.205.000.000 | - |
| Công ty TNHH Nam Bừ Long - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn đầu tư | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 30.900.000.000 | 21.630.000.000 | | | |
| Các khoản phải thu khác | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 891.421.357 | 623.358.198 | | | |
| Cộng | | 57.450.255.101 | 22.253.358.198 | | 25.658.833.744 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 25.658.833.744 | 94.028.833.744 |
| Xóa nợ | - | (68.370.000.000) |
| Trích lập trong kỳ | 9.538.063.159 | - |
| Số cuối kỳ | 35.196.896.903 | 25.658.833.744 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 30.649.707.574 | (1.156.787.397) | 33.281.983.212 | (1.646.156.685) |
| Công cụ, dụng cụ | 469.878.754 | - | 114.760.980 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.505.438.910 | - | 3.248.296.502 | - |
| Thành phẩm | 2.360.635.465 | (16.849.728) | 3.945.028.839 | (15.815.487) |
| Hàng hóa | 210.687.389 | - | 6.439.534.962 | - |
| Cộng | 39.196.348.092 | (1.173.637.125) | 47.029.604.495 | (1.661.972.172) |

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng, tiêu thụ như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.156.787.397 | 1.646.156.685 |
| Thành phẩm | 16.849.728 | 15.815.487 |
| Cộng | 1.173.637.125 | 1.661.972.172 |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.661.972.172 | 1.872.284.195 |
| Hoàn nhập dự phòng | (488.335.047) | (448.360.826) |
| Số cuối kỳ | 1.173.637.125 | 1.423.923.369 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 130.073.742 | 120.699.126 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | - | 128.293.170 |
| Cộng | <u>130.073.742</u> | <u>248.992.296</u> |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 472.364.750 | 440.896.422 |
| Chi phí nghiên cứu | 263.166.668 | 243.000.000 |
| Chi phí sửa chữa | 1.104.670.889 | 756.432.436 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 281.812.499 | - |
| Cộng | <u>2.122.014.806</u> | <u>1.440.328.858</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 88.880.661.856 | 181.507.829.803 | 6.131.257.581 | 1.039.692.340 | 277.559.441.580 |
| Mua trong kỳ | - | 2.150.000.000 | - | 200.481.818 | 2.350.481.818 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 46.797.750.729 | - | - | 46.797.750.729 |
| Số cuối kỳ | <u>88.880.661.856</u> | <u>230.455.580.532</u> | <u>6.131.257.581</u> | <u>1.240.174.158</u> | <u>326.707.674.127</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.831.387.263 | 126.266.238.139 | 4.342.020.309 | 1.039.692.340 | 135.479.338.051 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 49.365.851.672 | 144.217.417.328 | 4.803.363.275 | 1.039.692.340 | 199.426.324.615 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.044.255.056 | 4.702.730.617 | 89.461.866 | 8.353.410 | 6.844.800.949 |
| Số cuối kỳ | <u>51.410.106.728</u> | <u>148.920.147.945</u> | <u>4.892.825.141</u> | <u>1.048.045.750</u> | <u>206.271.125.564</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 39.514.810.184 | 37.290.412.475 | 1.327.894.306 | - | 78.133.116.965 |
| Số cuối kỳ | <u>37.470.555.128</u> | <u>81.535.432.587</u> | <u>1.238.432.440</u> | <u>192.128.408</u> | <u>120.436.548.563</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 16.124.450.497 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 8.302.609.778 | 301.331.100 | 8.603.940.878 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 391.422.375 | 391.422.375 |
| Số cuối kỳ | 8.302.609.778 | 692.753.475 | 8.995.363.253 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 301.331.100 | 301.331.100 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 3.765.540.174 | 301.331.100 | 4.066.871.274 |
| Khấu hao trong kỳ | 95.099.688 | 6.523.706 | 101.623.394 |
| Số cuối kỳ | 3.860.639.862 | 307.854.806 | 4.168.494.668 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 4.537.069.604 | - | 4.537.069.604 |
| Số cuối kỳ | 4.441.969.916 | 384.898.669 | 4.826.868.585 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 43.021.769.071 | 130.474.125 | (43.152.243.196) | - |
| - Dây chuyển thuốc tiêm | 42.760.820.821 | - | (42.760.820.821) | - |
| - Phần mềm base | 260.948.250 | 130.474.125 | (391.422.375) | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 24.830.607.186 | - | (4.036.929.908) | 20.793.677.278 |
| - Công trình xưởng thuốc tiêm (*) | 23.404.978.798 | - | (2.790.298.408) | 20.614.680.390 |
| - Công trình xưởng thực phẩm chức năng | 178.996.888 | - | - | 178.996.888 |
| - Công trình hệ thống lọc nước và thang máy | 1.246.631.500 | - | (1.246.631.500) | - |
| Cộng | 67.852.376.257 | 130.474.125 | (47.189.173.104) | 20.793.677.278 |

(*) Hiện nay, một số hạng mục của xưởng thuốc tiêm vẫn đang trong quá trình xây dựng nên chưa kết chuyển qua tài sản cố định.

Một số chi phí công trình xây dựng cơ bản dở dang đang hoàn thiện có giá trị là 14.388.486.158 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------------------|---------------|-----------------|
| Số đầu năm | 22.296.343 | 62.047.100 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (22.296.343) | (62.047.100) |
| Số cuối kỳ | - | - |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản chi phí lãi vay với số tiền là 1.723.185.872 VND.

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Affordable Quality Pharmaceuticals (Aqp One, Inc) | 7.003.410.339 | 6.713.904.153 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm | - | 1.995.353.146 |
| Công ty Cổ phần Hoá dược Quốc tế Phương Nam | 2.266.708.750 | 783.663.650 |
| Các nhà cung cấp trong nước | 13.327.719.347 | 10.372.264.823 |
| Cộng | 22.597.838.436 | 19.865.185.772 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc | 1.838.624.999 | 1.201.879.114 |
| Công ty TNHH MTV Gamma | 1.393.526.453 | 1.225.265.152 |
| Merh Trading Co., Limited | - | 1.407.112.875 |
| Công ty TNHH Present Pharma | 1.096.496.000 | 1.600.924.000 |
| Công ty Cổ phần Villamed | 1.163.445.612 | 509.059.500 |
| Các khách hàng khác | 1.934.450.527 | 2.763.200.725 |
| Cộng | 7.426.543.591 | 8.707.441.366 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 172.149.368 | (172.149.368) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 338.800.159 | (338.800.159) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 26.449.173 | (26.449.173) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 342.232.683 | 1.749.408.267 | (782.044.840) | 1.309.596.110 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 17.144.457 | 404.008.587 | (373.368.474) | 47.784.570 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 359.377.140 | 2.693.815.554 | (1.695.812.014) | 1.357.380.680 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|------------------|------|
| - Xuất khẩu | 0 % |
| - Dược phẩm | 05 % |
| - Hoạt động khác | 10 % |

Riêng từ tháng ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, đơn vị được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc Hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (3.313.968.656) | 11.043.778.336 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 12.334.682.643 | 4.075.289.421 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (273.672.652) | (402.818.087) |
| Thu nhập chịu thuế | 8.747.041.335 | 14.716.249.670 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | (222.706.500) |
| Thu nhập tính thuế | 8.747.041.335 | 14.493.543.170 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 1.749.408.267 | 2.898.708.634 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 1.893.796.974 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.749.408.267 | 4.792.505.608 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương thưởng phải trả cho nhân viên.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 656.172.780 | 579.141.946 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 221.469.250 | 163.978.486 |
| Cộng | 877.642.030 | 743.120.432 |

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - Phải trả về chương trình khuyến mãi | 2.988.501.182 | 6.263.571.124 |
| Kinh phí công đoàn | 1.372.071.006 | 1.372.071.006 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 273.907.200 | 290.671.100 |
| Cổ tức phải trả | 251.578.750 | 251.578.750 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 49.826.157 | 98.303.305 |
| Cộng | 4.935.884.295 | 8.276.195.285 |

18b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ của Công ty TNHH Hoá chất Dược phẩm Châu Ngọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng bao tiêu sản phẩm thuốc tiêm.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 100.281.503.450 | 131.246.816.947 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾ | 100.281.503.450 | 131.246.816.947 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Vay Ông Đặng Ngọc Hồ ⁽ⁱⁱ⁾ | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Cộng | 130.281.503.450 | 161.246.816.947 |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, một số tài sản cố định hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.3, V.9, V.10, V.11) và được đảm bảo bằng tài sản của cá nhân là bên liên quan (xem thuyết minh số VIII.1a).

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đặng Ngọc Hồ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 161.246.816.947 | 210.024.029.038 |
| Số tiền vay phát sinh | 110.674.592.149 | 190.688.529.265 |
| Số tiền vay đã trả | (141.639.905.646) | (245.128.179.594) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | (25.638.777) |
| Số cuối kỳ | 130.281.503.450 | 155.558.739.932 |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 454.949.495.778 | 795.798.494.278 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 6.189.225.628 | 6.189.225.628 |
| Số dư cuối kỳ trước | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 461.138.721.406 | 801.987.719.906 |
| Số dư đầu năm nay | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 465.172.442.817 | 806.021.441.317 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | (5.085.673.266) | (5.085.673.266) |
| Số dư cuối kỳ này | 140.000.000.000 | 210.885.368.500 | (10.036.370.000) | 460.086.769.551 | 800.935.768.051 |

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Ông Đào Hữu Hoàng | 61.981.200.000 | 61.981.200.000 |
| Ông Đào Hữu Hoàng Vũ | 17.690.200.000 | 17.690.200.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 10.415.000.000 | 10.415.000.000 |
| Bà Đỗ Thị Mai | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 37.613.600.000 | 37.613.600.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 2.300.000.000 | 2.300.000.000 |
| Cộng | 140.000.000.000 | 140.000.000.000 |

20c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 14.000.000 | 14.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 14.000.000 | 14.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 14.000.000 | 14.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 230.000 | 230.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 230.000 | 230.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.770.000 | 13.770.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 13.770.000 | 13.770.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2023 cho cổ đông với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số ĐHCĐ – NQ28/06/2024 ngày 28 tháng 6 năm 2024. Thời gian dự kiến tiến hành là trong năm 2024.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**21a. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 15.082,95 | 97,53 |
| Dollar Úc (AUD) | 26,26 | 35,02 |

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Văn phòng đại diện APQ | 13.668.571 | 13.668.571 |
| Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hưng Vạn Phát | 4.529.250 | 4.529.250 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng A.S.V | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Ngôi Nhà Chung | 279.837.713 | 279.837.713 |
| Probactive Biotech Inc | 87.663.150 | 87.663.150 |
| Công ty Xuất Nhập khẩu Dược & Trang thiết bị y tế Việt Am | 1.449.103.102 | 1.449.103.102 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V | 68.370.000.000 | 68.370.000.000 |
| Cá nhân khác | 22.519.793 | 22.519.793 |
| Cộng | <u>70.277.321.579</u> | <u>70.277.321.579</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|----------------------------|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 58.326.066.604 | 122.392.066.560 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 116.482.603.734 | 127.499.961.752 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 872.727.270 | 872.727.270 |
| Cộng | <u>175.681.397.608</u> | <u>250.764.755.582</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-----------------------|--|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chiết khấu thương mại | 711.577.774 | 418.397.815 |
| Hàng bán bị trả lại | 22.578.113.916 | 21.889.256.494 |
| Giảm giá hàng bán | 1.458.304.462 | 3.273.732.902 |
| Cộng | <u>24.747.996.152</u> | <u>25.581.387.211</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 58.070.383.164 | 122.035.701.257 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 61.820.889.105 | 64.463.100.473 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (488.335.047) | (448.360.826) |
| Cộng | 119.402.937.222 | 186.050.440.904 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.794.993 | 1.371.597 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 222.706.500 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 64.783.659 | 78.999.791 |
| Cộng | 66.578.652 | 303.077.888 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 4.006.198.682 | 6.483.054.196 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 117.699.352 | 105.702.057 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 192.006.076 | 15.340.690 |
| Chi phí tài chính khác | 29.917.800 | - |
| Cộng | 4.345.821.910 | 6.604.096.943 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.119.499.256 | 666.653.651 |
| Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị | 12.511.144.934 | 11.969.664.414 |
| Các chi phí khác | 217.636.366 | 300.444.243 |
| Cộng | 13.848.280.556 | 12.936.762.308 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.937.446.326 | 2.739.921.199 |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 590.459.925 | 936.326.625 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 218.668.874 | 449.851.416 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 9.538.063.159 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.027.743.504 | 506.042.404 |
| Các chi phí khác | 1.419.716.554 | 1.967.829.633 |
| Cộng | 16.735.098.342 | 6.602.971.277 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | - | 2.640.418.889 |
| Chi phí khác | 30.402 | - |
| Cộng | 30.402 | 2.640.418.889 |

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (5.085.673.266) | 6.189.225.628 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (5.085.673.266) | 6.189.225.628 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 13.770.000 | 13.770.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (369) | 449 |

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 42.138.629.773 | 50.057.376.633 |
| Chi phí nhân công | 18.001.912.231 | 11.846.616.178 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.946.424.343 | 5.831.077.404 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.136.411.484 | 17.386.193.775 |
| Chi phí khác | 11.179.451.901 | 2.375.653.876 |
| Cộng | 96.402.829.732 | 87.496.917.866 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-------------|-------------|
| Phải trả tiền mua tài sản cố định | 325.260.000 | 370.711.766 |
| Ứng trước tiền mua tài sản cố định | - | 344.724.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Các thành viên Hội đồng quản trị - Tiền thuê văn phòng | 303.876.000 | 303.876.000 |
| Các thành viên Hội đồng quản trị – Tạm ứng | - | 63.851.186 |
| Các thành viên Hội đồng quản trị – Mượn tiền | 1.620.000.000 | - |

Cam kết bảo lãnh

Thành viên Hội đồng quản trị dùng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, 33, 34, 800, 802, tờ bản đồ số 42, Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tài sản đảm bảo vào ngày ký hợp đồng là 2.557.000.000 VND và khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng với tổng số tiền là 10.000.000.000 VND để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4 và V.5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị | 300.200.000 | 300.200.000 |
| Ông Nguyễn Thế Kỳ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Thành viên HĐQT từ ngày 28 tháng 6 năm 2024) | 245.870.000 | 245.870.000 |
| Ông Nguyễn Thế Quyền – Quyền Tổng Giám đốc | 162.000.000 | 162.000.000 |
| Ông Bùi Công Sơn – Giám đốc tài chính | 119.870.000 | 119.870.000 |
| Ông Võ Thành Nhân – Kế toán trưởng | 148.106.000 | 145.106.000 |
| Cộng | 976.046.000 | 973.046.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực khác: cho thuê nhà kho.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

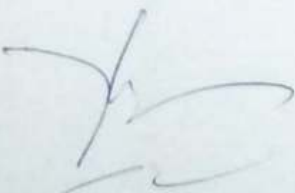
Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Việt Nam | 129.886.242.163 | 214.164.193.629 |
| Myanmar | 2.516.269.956 | 8.924.065.300 |
| Hợp chúng quốc Hoa Kỳ | 9.007.551.080 | 2.095.109.442 |
| Các nước khác | 9.523.338.257 | - |
| Cộng | 150.933.401.456 | 225.183.368.371 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Võ Thành Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lũy số 31 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo Bình vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo bình vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Kỳ tính | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phân | | Lĩnh vực kinh doanh bằng hóa được phân | | Lĩnh vực khác | | Các khoản loại trừ | Tổng |
|---|--|--|--|----------------------|----------------------|----------------------|------------------------|------|
| | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phân | Lĩnh vực kinh doanh bằng hóa được phân | Lĩnh vực kinh doanh bằng hóa được phân | Lĩnh vực khác | Lĩnh vực khác | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, ít hơn ngược | 81.734.667.582 | 58.326.066.604 | 872.727.279 | - | - | - | 150.933.461.456 | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ các bộ phận | - | - | - | - | - | - | - | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 81.734.667.582 | 58.326.066.604 | 872.727.279 | - | - | - | 150.933.461.456 | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 21.985.317.508 | (5.095.787.645) | 792.653.728 | - | - | - | 17.682.183.678 | |
| Chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - | (16.735.098.942) | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | - | 947.085.336 | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | - | 66.578.652 | |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | - | (4.345.821.910) | |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | - | 18.219.668 | |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | - | (30.402) | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | - | (1.749.408.267) | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | - | (22.296.343) | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | |
| Tổng chi phí để phát sinh lãi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | 1.809.528.441 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm | Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|--|--|--------------------|--------------------|------------------------|
| Kỳ trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 102.336.972.356 | 121.973.668.745 | 872.727.270 | - | 225.183.368.371 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 102.336.972.356 | 121.973.668.745 | 872.727.270 | - | 225.183.368.371 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 32.442.983.738 | (7.069.407.754) | 822.589.174 | - | 26.196.165.159 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (6.602.971.277) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 19.593.193.882 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 303.077.888 |
| Chi phí tài chính | | | | | (6.604.096.943) |
| Thu nhập khác | | | | | 392.022.398 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (2.640.418.889) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (4.792.505.608) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.042.496.000 | - | - | - | 6.189.225.628 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 9.042.496.000 | - | - | - | 9.042.496.000 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 6.832.102.219 | - | - | - | 6.832.102.219 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | (448.360.826) | - | - | - | (448.360.826) |

11/08/2025
 CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M
 CHỨC VỤ
 TÀI CHÍNH VÀ
 KẾ TOÁN
 TP. HỒ CHÍ MINH

